

Số: 302/QĐ-ĐHNB

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học  
ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 28/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐT ngày 24/11/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-HĐT ngày 01/10/2020 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, mã số 7510605.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo được thực hiện đối với khóa tuyển sinh từ năm học 2021-2022; là căn cứ để tổ chức, thực hiện, kiểm tra, thanh tra quá trình đào tạo theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT. *M*



NGND.PGS.TS Tô Ngọc Hưng

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHNB, ngày 13 tháng 4 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

Trình độ đào tạo	: Đại học (Undergraduate)
Ngành đào tạo	: <b>Logistics &amp; Quản lý chuỗi cung ứng</b>
Tên tiếng Anh	: Logistics and Supply Chain Management
Mã số	: 7510605
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt : **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**
  - + Tiếng Anh: Logistics and Supply Chain Management
- Mã số ngành đào tạo: 7510605
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
  - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Logistics and Supply Chain Management

**Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Hòa Bình

#### 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, phải có:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; thái độ làm việc trách nhiệm, độc lập và hòa đồng với tập thể; yêu nước và tự hào dân tộc, có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy nguồn tài nguyên du lịch; có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa;
- Nắm vững những kiến thức cơ bản của khoa học xã hội nhân văn, khoa học quản lý, quản trị kinh doanh, **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng** cũng như những kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động kinh doanh Thương mại dịch vụ; kiến thức quản trị hiện đại về tổ chức và vận hành hoạt động của doanh nghiệp logistics; doanh nghiệp cung ứng và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phát chuyển nhanh...
- Thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản về Logistics và

Quản lý chuỗi cung ứng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh; tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như các chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Hòa Bình.

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn**

#### **1.1. Về kiến thức**

*1.1.1. Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và các khoa học liên quan ứng dụng trong kinh doanh Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.*

- Biết, hiểu, phân tích được những nguyên lý, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Chủ nghĩa xã hội khoa học và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

- Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực xã hội & nhân văn vận dụng trong ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

- Phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức cơ bản của khoa học quản trị trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng nói riêng;

- Vận dụng được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp... trong kinh doanh Thương mại dịch vụ tại các doanh nghiệp Logistics và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển nền kinh tế một cách bền vững.

*1.1.2. Hiểu biết những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng*

- Hiểu sâu về lý thuyết và phương pháp vận dụng những kiến thức chuyên ngành về logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan; các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan có các hoạt động logistics nhằm đảm bảo cho các hoạt động diễn ra kịp thời theo đúng tiến độ với chi phí thấp nhất, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng, doanh nghiệp phân phối, các doanh nghiệp vận tải, xuất nhập khẩu, vận tải đa phương thức, các doanh nghiệp phát chuyên nhanh, sản xuất kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức sự nghiệp văn hóa xã hội...

- Hiểu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ Logistics có chất lượng, đảm bảo phát triển bền vững;

- Hiểu biết về nghiệp vụ giao nhận hàng hóa quốc tế, các điều kiện thương mại quốc tế và vận dụng trong hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức trong hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lý, điều hành doanh nghiệp Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Biết phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành hệ thống (dự án khởi nghiệp kinh doanh) trong doanh nghiệp và bối cảnh xã hội.

*1.1.3. Có kiến thức về nghiệp vụ giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng*

- Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được những phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và ứng dụng trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, từ những phương pháp truyền thống định tính đến những phương pháp hiện đại có sử dụng các công cụ, thiết bị, phần mềm tin học.

- Có kiến thức về nghiệp vụ thuyết trình, giảng dạy về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

*1.1.4. Có khả năng sử dụng Công nghệ thông tin, sử dụng Ngoại ngữ cơ bản với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

## **1.2. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Có năng lực áp dụng, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

## **2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp**

### **2.1. Kỹ năng chuyên môn**

#### *2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp*

- Chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng chủ yếu sau:

- Hiểu sâu sắc và vận dụng kiến thức kinh tế, xã hội, luật pháp trong hoạt động thương mại dịch vụ.

- Thành thạo kỹ năng phân tích, tổng hợp, nghiên cứu dự báo các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Kỹ năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh thương mại dịch vụ của doanh nghiệp và tổ

chức kinh tế.

Thành thạo trong vận hành, khai thác và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu công nghệ thông tin vào hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

- Ứng dụng hiệu quả các phần mềm thông dụng và chuyên dùng logistics trong quản trị kinh doanh để phân tích thông tin và ra quyết định.

- Kỹ năng tổng hợp và đánh giá các kết quả, hiệu quả hoạt động thương mại dịch vụ của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

- Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có kỹ năng sống và làm việc trong môi trường toàn cầu.

- Học tập và rèn luyện để có kỹ năng viết, thuyết trình và phản biện để hình thành nên các kỹ năng làm việc khoa học và chuyên nghiệp.

- Hình thành các kỹ năng cá nhân trong giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc.

- Có tư duy nhạy bén, sáng tạo trong tiếp thu công nghệ mới, hiện đại của công nghệ 4.0.

- Có năng lực tốt trong giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.

*2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng*

- Có tư duy logic, xác định vấn đề ưu tiên, nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau để đánh giá hiện tượng một cách toàn diện nhất và tìm được giải pháp tối ưu và phù hợp.

- Biết xây dựng giải pháp và khuyến nghị để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý, sản xuất kinh doanh Thương mại dịch vụ.

*2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh Logistics và quản lý chuỗi cung ứng*

- Biết phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh Thương mại dịch vụ, trong kinh doanh Logistics.

- Luôn cập nhật thông tin về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Logistics.

- Có ý thức thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin để ứng dụng trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề, sự kiện, hiện tượng nảy sinh trong hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

*2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp*

- Biết, hiểu, thể hiện được vai trò trách nhiệm của các cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong cuộc sống;

- Hiểu, phân tích, đánh giá được những tác động đa chiều giữa sản xuất kinh doanh, Thương mại dịch vụ với kinh tế, môi trường, văn hóa và xã hội để tìm ra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, phát huy các tác động tích cực;

- Hiểu, phân tích, đánh giá được bối cảnh lịch sử và các điều kiện căn bản để có được tiếp cận phù hợp trong nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và hoạt động Thương

mại dịch vụ;

- Hiểu, phân tích, đánh giá được các vấn đề, giá trị, xu hướng của Logistics trong thời kỳ mới và bối cảnh kinh tế toàn cầu.

*2.1.5. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng*

- Nắm bắt, hiểu và triển khai các mục tiêu, kế hoạch và văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động Logistics của doanh nghiệp;

- Hiểu rõ mối quan hệ giữa các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý Bộ, ngành Trung ương và địa phương trong hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

## **2.2. Kỹ năng bổ trợ**

### *2.2.1. Các kỹ năng cá nhân*

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý;

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc;

- Học và tự học, tự nghiên cứu;

- Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

### *2.2.2. Làm việc theo nhóm*

- Biết hình thành nhóm làm việc hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ chung của nhóm;

- Biết điều hành hoạt động của nhóm nhằm đạt mục tiêu;

- Biết phát triển nhóm làm việc;

- Biết lãnh đạo nhóm;

- Biết làm việc với các nhóm khác nhau.

### *2.2.3. Quản lý và lãnh đạo*

- Trung thực, tin cậy và có trách nhiệm khi thực hiện các công việc;

- Có hành vi chuyên nghiệp trong các hoạt động hành chính;

- Có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc;

- Có khả năng điều hành và đánh giá hoạt động của công việc;

- Chịu trách nhiệm về quyết định của cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ;

- Có khả năng giao tiếp, đàm phán, thuyết phục và ra quyết định;

### *2.2.4. Kỹ năng giao tiếp*

- Biết xây dựng chiến lược giao tiếp cho bản thân;

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng trong các tình huống giao tiếp cụ thể;

- Có kỹ năng thuyết trình về các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp;

- Thực hiện thành thạo việc giao tiếp giữa giữa các cá nhân trong doanh nghiệp,

tổ chức.

### *2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

### 2.2.6. Các kỹ năng bổ trợ khác

- Sử dụng thành thạo máy tính và các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện các công việc đặc thù của ngành.

## 3. Chuẩn đầu ra về phẩm chất đạo đức

### 3.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Có lối sống lành mạnh;  
- Tự tin khi giao tiếp và thực hành nghề trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài;

- Kiên trì trong giao dịch với khách hàng;

- Linh hoạt, khéo léo, tinh tế khi thực hành nghề & xử lý tình huống;

- Chăm chỉ, có tinh thần học hỏi, cầu tiến bộ;

- Nhiệt tình và say mê công việc;

- Điềm tĩnh, tự chủ khi ra quyết định.

### 3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Tâm huyết với công việc và nghề nghiệp, yêu quê hương, đất nước, muốn truyền đạt tình yêu đó cho mọi khách hàng trong và ngoài nước;

- Trung thực, đáng tin cậy khi thực hiện công việc;

- Trung thành với đơn vị sử dụng lao động;

- Chu đáo, lắng nghe và thấu hiểu khi phục vụ khách hàng;

- Có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp;

- Chủ động thực hiện công việc;

- Chia sẻ thông tin, tương trợ đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan, trong và ngoài nước.

### 3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có trách nhiệm với công việc, khách hàng, cộng đồng, xã hội và môi trường;

- Tuân thủ luật pháp Việt Nam cũng như của các nước trong việc xây dựng hợp đồng và tổ chức các hoạt động kinh doanh Thương mại dịch vụ, kinh doanh Logistics.

## 4. Vị trí đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;

- Công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước;

- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nhân viên hoặc cán bộ, quản lý, điều hành trong các doanh nghiệp, Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế...

- Nghiên cứu và giảng dạy về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong các trường Đại học, trường cao đẳng, Đại học.

## 5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể tiếp tục theo học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

### PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo: 04 năm

2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 131 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

TT	Nội dung	Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập + Thực hành	
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>34</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	
	1.1 Các học phần bắt buộc	32			
	1.2 Các học phần tự chọn	2			
<b>2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>97</b>	<b>46</b>	<b>51</b>	
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	30	20	10	
	2.2. Kiến thức ngành	37	20	17	
	2.2.1. Các học phần bắt buộc	28			
	2.2.2. Các học phần tự chọn	9			
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (Tự chọn)	12	6	6	
	2.4. Thực tập /Khóa luận tốt nghiệp	18		18	
<b>3</b>	<b>Kiến thức giáo dục thể chất</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
<b>4</b>	<b>Kiến thức giáo dục quốc phòng và an ninh</b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	
<b>5</b>	<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	

#### 3. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hòa Bình.

#### 4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

4.1. Quy trình Đào tạo theo học chế tín chỉ, sinh viên được tốt nghiệp khi tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo. Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ - BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi và bổ sung Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

4.2. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp: Kết thúc khóa học, sinh viên có đủ các điều kiện sau được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0/ 4.0 trở lên

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất



Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên

Có trình độ tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*tương đương cấp độ B1 của CEFR - Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng châu Âu*).

Có chứng tin học IC3

### 5. Thang điểm

*Theo học chế tín chỉ*

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với hệ số tương ứng đã được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần làm tròn đến một số thập phân.

**Chuyển điểm thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau:**

Đánh giá	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
<b>Đạt</b>	9,0 – 10,0	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0	
<b>Không đạt</b>	0,0 – 3,9	F	0

## 6. Chương trình đào tạo trình độ đại học

### 6.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	Số Tín chỉ	Loại tiết			Thực hành	Tự học	Môn học tiên quyết
				Lên lớp					
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>34</b>						
<i>1. Kiến thức đại cương bắt buộc</i>			<i>31</i>						
<i>1.1 Lý luận chính trị</i>			<i>11</i>						
1	11101	Triết học	3	30	10	5			
2	11102	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	5	5		KTCT	
3	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	5	5		Triết học	

TT	Mã học phần	Tên học phần KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	Số Tín chỉ	Loại tiết				Môn học tiên quyết	
				Lên lớp			Thực hành		Tự học
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
4	11104	Lịch sử Đảng CSVN	2	20	5	5		Triết học	
5	11105	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	5	5		Triết học	
<b>1.2 Ngoại ngữ</b>			<b>9</b>						
6	11401	Tiếng Anh 1	3	20	15	10			
7	11402	Tiếng Anh 2	3	20	15	10			
8	11403	Tiếng Anh 3	3	20	15	10			
<b>1.3 Kiến thức Toán, Công nghệ, Tự nhiên</b>			<b>12</b>						
9	11701	Tin học đại cương	4	30	25	5			
10	11208	Toán cao cấp	3	25	15	5			
11	11504	Lý thuyết Xác suất và thống kê	3	25	15	5			
12	11201	Pháp luật đại cương	2	20	5	5			
<b>1.2 Các học phần tự chọn</b>			<b>2</b>						
13	13219	Kinh tế môi trường	2	20	5	5			
14	11206	Xã hội học đại cương	2	20	5	5			
<b>II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>			<b>97</b>						
<b>2.1 Kiến thức cơ sở khối ngành (Các học phần bắt buộc)</b>			<b>30</b>						
15	13101	Kinh tế Vi mô	3	30	10	5			
16	13102	Kinh tế Vĩ mô	3	30	10	5			
17	13106	Quản trị học	3	30	10	5			
18	13225	Hành vi tổ chức	3	30	10	5		Tâm lý học	
19	13108	Marketing căn bản	3	30	10	5		KTVi mô, KT vĩ mô	
20	13404	Tiếng Anh chuyên ngành	3	15	30				
21	13121	Tâm lý kinh doanh	2	15	10	5		Tâm lý học, QT học	
22	13105	Nguyên lý kế toán	3	15	20	10		KT Vi mô, vĩ mô	
23	13104	Quản trị Nhân lực	3	15	20	10		Quản trị học	
24		Quản trị Kinh doanh 1	2	15	10	5			

TT	Mã học phần	Tên học phần KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	Số Tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết
				Lên lớp			Thực hành	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
25	LOG01	Kinh tế, tổ chức và quản lý ngành Logistics	2	15	10	5			Toán kinh tế
<b>2.2 Kiến thức ngành</b>									
<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc</b>			<b>23</b>						
26	LOG02	Quản trị Logistics căn bản	3	20	15	10			
27	LOG03	Quản trị mua, bán hàng	2	15	10	5			QT KD TM
28	LOG04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	20	15	10			Kinh tế & quản lý ngành Logistics
29	LOG05	Kinh tế, quản lý kho hàng và bao bì	3	20	15	10			Quản trị DN logistics
30	LOG06	Thương phẩm học	3	20	15	10			Kinh tế cung ứng
31	LOG07	Nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế	3	20	15	10			Quản trị KD TM
32	LOG08	Quản trị tác nghiệp logistics (trong nội bộ doanh nghiệp)	3	20	15	10			QT logistics căn bản
33	LOG09	Kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh logistics	3	20	15	10			QT logistics căn bản
34	LOG 0	Định mức kinh tế kỹ thuật – cơ sở của quản trị kinh doanh logistics	3	20	15	10			KT TMDV
35		Đề án ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2				120 giờ		
<b>2.2.2 Học phần tự chọn (Chọn 3 trong tổ hợp 5 học phần)</b>			<b>9</b>						
36	LOG11	Bao bì và thương hiệu hàng hóa dịch vụ	3	20	15	10			KTTMDV
37	LOG12	Quản trị doanh nghiệp Logistics	3	20	15	10			QT DN TM
38	LOG 3	Kinh tế và quản lý cung ứng	3	20	15	10			KTvi mô, vĩ mô
39	LOG14	Quản trị thương mại dịch vụ	3	20	15	10			KTvi mô, vĩ mô
40	LOG15	Quản lý vật tư kỹ thuật của doanh nghiệp	3	20	15	10			KTCU
<b>2.3 Kiến thức chuyên sâu ngành Logistics (Tự chọn 4 học phần trong tổ hợp 6 học phần)</b>			<b>12</b>						
41	LOG 6	Tổ chức và quản lý kinh	3	20	15	10			QT logistics

TT	Mã học phần	Tên học phần KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	Số Tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết	
				Lên lớp			Thực hành	Tự học		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
		doanh Logistics								
42	LOG 7	Marketing Logistics	3	20	15	10				
43	LOG18	Quản trị vận hành/Kỹ năng vận hành thiết bị vận tải, kho hàng trong logistics	3	20	15	10			KT QL logistics	
44	LOG 9	Quản trị vận tải đa phương thức	3	20	15	10			QT logistics	
45	LOG20	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp Logistics	3	20	15	10			QT KD TM, QT logistics	
46	LOG21	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	3	20	15	10			QT DN logistics	
<b>2.4 Thực tập/Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>18</b>				<b>1080 giờ</b>			
47	<i>Thực tập 1: Thực tập tác nghiệp</i>		4				240 giờ			
48	<i>Thực tập 2: Thực tập quản trị tác nghiệp</i>		4				240 giờ			
49	<i>Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp</i>		10				600 giờ			
<b>III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY</b>										
50	3.1 Giáo dục thể chất		4	<i>Cấp chứng chỉ</i>						
50	3.2 Giáo dục Quốc phòng		8	<i>Cấp chứng chỉ</i>						
51	3.3 Kỹ năng mềm		4	20	30	10				

### 6.2. Kế hoạch giảng dạy ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (dự kiến)

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Khoa/ Bộ môn quản lý	SỐ TC	PHÂN BỐ CÁC HỌC KỲ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số tín chỉ			131	18	13	17	28	24	15	6	10
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>34</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>2</b>			
	Mã HP	<i>1.1. Các học phần bắt buộc</i>	32	14	8	5	2	2			

1	11101	Triết học Mác – Lê Nin	Khoa QLKT &XH	3	3									
2	11105	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	Khoa QLKT &XH	2		2								
3	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa QLKT &XH	2			2							
4	11104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa QLKT &XH	2				2						
5	11102	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa QLKT &XH	2					2					
6	11401	Tiếng Anh cơ bản 1	Khoa Ngoại ngữ	3	3									
7	11402	Tiếng Anh cơ bản 2	Khoa Ngoại ngữ	3		3								
8	11403	Tiếng Anh cơ bản 3	Khoa Ngoại ngữ	3			3							
9	11208	Toán cao cấp	Khoa QLKT &XH	3	3									
10	11201	Pháp luật đại cương	Khoa luật	2	2									
11	11504	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Khoa QLKT &XH	3		3								
12	11701	Tin học đại cương	Khoa CNTT	4	4									
<b>1.2 Các học phần tự chọn</b> (Chọn 1 trong các học phần dưới đây)				2		2								
13	11206	Xã hội học đại cương	Khoa QLKT &XH	2		2								
14	13219	Kinh tế môi trường	Khoa QTKD	2		2								
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				97										
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b> (Các học phần bắt buộc)				30	3	3	3	16	5					
15	13101	Kinh tế vi mô	Khoa QLKT	3	3									

			&XH										
16	13102	Kinh tế vĩ mô	Khoa QLKT &XH	3		3							
17		Quản trị học	Khoa QTKD	3			3						
18	13225	Hành vi tổ chức	Khoa QTKD	3				3					
19	13108	Marketing căn bản	Khoa QTKD	3				3					
20	13404	Tiếng Anh chuyên ngành	Khoa ngoại ngữ	3				3					
21	13103	Tâm lý kinh doanh	Khoa QTKD	2				2					
22		Nguyên lý kế toán	Khoa TCNH - Kế toán	3				3					
23	13104	Quản trị nhân lực	Khoa QTKD	3					3				
24		Quản trị kinh doanh 1	Khoa QTKD	2				2					
25	LOG 01	Kinh tế, tổ chức và quản lý ngành logistics	QTKD	2					2				
<b>2.2 Kiến thức ngành</b>				<b>28</b>				<b>6</b>	<b>11</b>	<b>5</b>	<b>6</b>		
<b>2.2.1. Học phần bắt buộc</b>				<b>28</b>									
26	LOG 02	Quản trị logistics căn bản	Khoa QTKD	3				3					
27	LOG 03	Quản trị mua hàng	Khoa QTKD	2					2				
28	LOG 04	Quản trị chuỗi cung ứng	Khoa QTKD	3				3					
29	LOG 05	Kinh tế và quản lý kho hàng và bao bì	Khoa QTKD	3					3				
30	LOG 06	Thương phẩm học	Khoa QTKD	3						3			
31	LOG 07	Nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế	Khoa QTKD	3								3	
32	LOG 08	Quản trị tác nghiệp logistics (trong nội bộ doanh nghiệp)	Khoa QTKD	3					3				

33	LOG 09	Kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh logistics	Khoa QTKD	3			3			
34	LOG 10	Định mức kinh tế kỹ thuật-cơ sở của quản trị kinh doanh logistics	Khoa QTKD	3					3	
35	Đề án ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng		Khoa QTKD	2				2		
<b>2.2.2 Các học phần tự chọn</b> (Sinh viên tự chọn 3 học phần/5 học phần)				9			9			
36	LOG 11	Bao bì và thương hiệu hàng hóa dịch vụ	Khoa QTKD	3				3		
37	LOG 12	Quản trị doanh nghiệp logistics	Khoa QTKD	3		3				
38	LOG 13	Kinh tế và quản lý cung ứng	Khoa QTKD	3		3				
39	LOG 14	Quản trị thương mại dịch vụ	Khoa QTKD	3		3				
40	LOG 15	Quản lý vật tư kỹ thuật của doanh nghiệp	Khoa QTKD	3					3	
<b>2.3 Kiến thức chuyên sâu ngành logistics</b> (Sinh viên tự chọn 4 học phần /6 học phần trong tổ hợp)				12				6	6	
41	LOG16	Tổ chức và quản lý kinh doanh logistics	Khoa QTKD	3				3		
42	LOG 17	Marketing logistics	Khoa QTKD	3					3	
43	LOG 18	Quản trị vận hành/Kỹ năng vận hành thiết bị vận tải, kho hàng trong logistics	Khoa QTKD	3				3		
44	LOG19	Quản trị vận tải đa phương tiện	Khoa QTKD	3				3		
45	LOG 20	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp logistics	Khoa QTKD	3			3			
46	LOG 21	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	Khoa QTKD	3					3	
<b>Thực tập/ Chuyên đề thực tập tốt nghiệp</b>				18			4	4	10	
<b>Thực tập 1: Thực tập tác nghiệp</b>			Khoa QTKD	4			4			
<b>Thực tập 2: Thực tập quản trị tác nghiệp</b>			Khoa QTKD	4						

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	Khoa QTKD	10						4		10
<i>Phân bổ số học phần mỗi kỳ</i>			10	6	6	10	10	5	2	3
<i>Phân bổ số tín chỉ mỗi kỳ</i>			17	14	17	28	24	15	6	10

### 7. Bảng kí hiệu chuẩn đầu ra

Bảng ký hiệu chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Nội dung
<b>Chuẩn kiến thức</b>	
CKT1	Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; tích lũy được kiến thức cơ bản nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực Logistics để phát triển kiến thức mới để học tập nâng cao trình độ. Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong lĩnh vực Logistics.
CKT2	Hiểu và vận dụng được các kiến thức liên quan những vấn đề của Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội, đồng thời ứng dụng vào hoạt động kinh doanh Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
CKT3	Hiểu và vận dụng các kiến thức, công cụ nền tảng của kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, các nguyên lý thông kê kinh tế và nguyên lý kế toán vào hoạt động quản trị doanh nghiệp Logistics.
CKT4	Có được các kiến thức cơ bản, hiện đại về khoa học logistics.
CKT5	Có kiến thức chuyên sâu để tổ chức bộ máy, hoạch định kinh doanh, quản trị sản xuất, quản trị nguồn nhân lực tại doanh nghiệp Logistics.
CKT6	Có kiến thức chuyên sâu để tổ chức hoạt động các lĩnh vực quản trị như: Tài chính, công nghệ, thị trường, nhân lực và marketing Logistics.
CKT7	Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp hoạt động doanh nghiệp và xử lý tình huống kinh doanh trong những tình huống phức tạp.
CKT8	Có khả năng làm việc độc lập, Kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tư duy phản biện, có khả năng thích ứng môi trường kinh doanh năng động hiện đại, có khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp ứng xử và thuyết trình tốt.
CKT9	Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh và công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn và công tác quản lý.
CKT10	Có kiến thức về quản lý, phân tích, đánh giá dự án đầu tư của doanh nghiệp...
<b>Chuẩn kỹ năng</b>	
CKN1	Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong những bối cảnh khác nhau; đặc biệt trong tình huống đột xuất, cấp bách cần xử lý ngay.



CKN2	Kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tìm kiếm và phát triển các cơ hội kinh doanh.
CKN3	Phân tích, tổng hợp, đánh giá được những thông tin, tổng hợp được ý kiến tập thể và những thành tựu của khoa học công nghệ để giải quyết được những vấn đề thực tế trong hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
CKN4	Kỹ năng nghiên cứu, phát triển thị trường; phát triển quản trị hệ thống bán hàng; chuỗi cung ứng; xây dựng và phát triển quan hệ với các khách hàng.
CKN5	Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; Hòa nhập và phát triển tốt trong môi trường làm việc mới, trên Internet.
CKN6	Kỹ năng về triển khai các hoạt động tuyển dụng và đào tạo nhân sự, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển thương hiệu doanh nghiệp.
CKN7	Kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, phát hiện và xử lý các vấn đề tài chính.
<b>Chuẩn thái độ</b>	
CTĐ1	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ngành Logistics, có sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; dám đương đầu với rủi ro và quyết đoán trong kinh doanh; giữ chữ tín và cam kết tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp.
CTĐ2	Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt.
CTĐ3	Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và các quy chế đào tạo của trường, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với môi trường sống, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
<b>Chuẩn vị trí công việc</b>	
CVT1	Công chức tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; viên chức tại các cơ quan sự nghiệp công lập hoặc Chuyên viên tại phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng marketing, phòng giao nhận hàng hóa của các công ty, tập đoàn.
CVT2	Thăng tiến trở thành công chức lãnh đạo tại các cơ quan hành chính nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Giám đốc tại các tập đoàn, công ty...
CVT3	Tự khởi nghiệp và thành lập và điều hành công ty cho riêng mình.
CVT4	Chuyên viên SEO, Sales, làm việc tại các Ban quản lý dự án, tại các phòng nhân sự của Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước.
CVT5	Làm công tác nghiên cứu, giảng dạy tại các Viện nghiên cứu, Học viện, Trung tâm, các trường Trung cấp và Cao đẳng, Đại học.

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2021



NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

